

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 8 - 2020.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trung Chiến.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình

Ông Trịnh Xuân Tháp

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham
gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh
Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 92/2020/TLST- HNGĐ
ngày 31 tháng 3 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 7 năm 2020 và
Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2020, giữa các đương
sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1980;

Trú tại: số 5, tổ 1, ấp 4, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Trần Xuân T, sinh năm 1982;

Trú tại: số 5, tổ 1, ấp 4, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên
đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:**

Chị và anh Trần Xuân T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn

và được UBND xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 128/2014 ngày 10/9/2014. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T suốt ngày rượu chè cờ bạc không lo gì đến vợ con, khiến gia đình mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do vợ chồng mâu thuẫn nên anh T đã bỏ địa phương đi đâu không biết, chị đã làm đơn yêu cầu tuyên bố một người mất tích đối với anh T. Kể từ đó đến nay chị cũng biết anh T ở đâu và anh T không còn quan tâm đến cuộc sống của mẹ con chị. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Quốc Đ1, sinh ngày 17/7/2015 và cháu Trần Quốc Đ2, sinh ngày 19/01/2017. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng 02 con chung vì các cháu đang ở với chị và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Trần Xuân T không có lời khai tại tòa:**

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Trần Xuân T.

Về con chung: Giao 02 con chung tên là Trần Quốc Đ1, sinh ngày 17/7/2015 và cháu Trần Quốc Đ2, sinh ngày 19/01/2017. Cho chị H nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xét.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Căn cứ Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

1.2. Anh Trần Xuân T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thu H và anh Trần Xuân T là hợp pháp vì hai bên tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định, nên được pháp luật bảo vệ.

2.2. Yêu cầu của chị H xin được ly hôn với anh T. Vì chị H cho rằng cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T đã bỏ đi nhiều năm không có tin tức gì chị đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có kết quả, chị đã làm đơn yêu cầu tuyên bố một người mất tích đối với anh T. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên cho chị H được ly hôn với T là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Về con chung: Xét yêu cầu xin được nuôi 02 con chung của chị H là có cơ sở chấp nhận, vì hiện tại hai cháu đang do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nên giao 02 con chung tên là Trần Quốc Đ1, sinh ngày 17/7/2015 và cháu Trần Quốc Đ2, sinh ngày 19/01/2017 cho chị H nuôi chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147, điểm b, khoản 2, Điều 227; 269; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Trần Xuân T.

2. Về con chung:

- Giao 02 con chung tên là Trần Quốc Đ1, sinh ngày 17/7/2015 và cháu Trần Quốc Đ2, sinh ngày 19/01/2017 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Trần Xuân T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0002480 ngày 31/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Chị Trần Thị Thu H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Riêng anh Trần Xuân T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã V;
- Chi cục THADS H.Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ, Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Trung Chiến

